

QUYẾT TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-KTHT&ĐT ngày /4/2026 của phòng KTHT&ĐT phường Đức Xuân)

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán	Quyết toán	Chi giáo dục đào tạo và dạy nghề	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác	So sánh (%)
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17= 2/1
	TỔNG SỐ	118.351.000,0	137.912.348,9	75.608.229,2	1.477.056,7	641.445,0	-	708.894,2	84.375,8	307.750,0	-	2.951.918,4	-	554.486,8	49.353.481,0	6.716.588,6	62.610,0	117%
I	Khối QLNN & Sự nghiệp	118.121.000,0	137.683.351,6	75.608.229,2	1.477.056,7	641.445,0	-	708.894,2	84.375,8	307.750,0	-	2.951.918,4	-	554.486,8	49.187.093,7	6.716.588,6	-	117%
1	Văn phòng HĐND và UBND	6.113.800,0	6.567.114,2		597.777,7	321.965,0		20.000,0							5.627.371,6			107%
2	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	14.231.961,3	14.372.622,3		879.279,0	319.480,0		101.960,9	14.941,1	16.335,0		634.672,7		111.053,7	12.191.160,1	214.793,5		101%
3	Phòng Văn hóa - Xã hội	5.140.500,0	19.412.769,2	303.355,2				14.998,9		206.415,0					12.408.205,0	6.479.795,1		378%
4	Văn phòng Đảng ủy	5.008.700,0	7.047.041,8												7.047.041,8			141%
5	Ủy ban MTTQVN phường	2.862.500,0	6.174.135,2												6.152.135,2	22.000,0		216%
6	Trung tâm phục vụ hành chính công	387.600,0	620.201,9												620.201,9			160%
7	Trung tâm dịch vụ tổng hợp	1.051.900,0	8.184.592,9					571.934,4	69.434,7	85.000,0		2.317.245,7		443.433,1	5.140.978,2			778%
8	Trường Mầm non Huyện Tụng	5.177.612,0	5.442.330,5	5.442.330,5														105%
9	Trường MN Nguyễn Thị Minh Khai	6.282.114,0	6.693.944,1	6.693.944,1														107%
10	Trường Mầm non Đức Xuân	9.423.402,0	9.917.278,3	9.917.278,3														105%
11	Trường Tiểu học Huyện Tụng	6.816.701,0	7.301.898,2	7.301.898,2														107%
12	Trường TH Nguyễn Thị Minh Khai	8.958.247,0	9.909.896,0	9.909.896,0														111%
13	Trường Tiểu học Đức Xuân	13.839.588,0	15.017.929,4	15.017.929,4														109%
14	Trường THCS Huyện Tụng	9.048.430,0	10.340.829,8	10.340.829,8														114%
15	Trường THCS Đức Xuân	9.365.225,0	10.680.767,7	10.680.767,7														114%
16	UBND phường Đức Xuân	14.412.719,7	-															0%
VI	Các đơn vị khác	230.000,0	228.997,3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	166.387,3	-	62.610,0	100%
1	Công an phường Đức Xuân	230.000,0	193.997,3												166.387,3		27.610,0	84
2	Kho bạc nhà nước khu vực VII - Phòng giao dịch số 4	-	35.000,0														35.000,0	